TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÀNG LONG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2023/HS-ST
Ngày 23-5-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Hoàng Vân.
Các Hội Thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Điền.
2. Bà Nguyễn Thị Bé Riêng.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Đinh Văn Dư - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhanh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 18/2023/HSST, ngày 17 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 140/2023/QĐXXST-HS, ngày 09 tháng 5 năm 2023 đối với các bị cáo:

Bị cáo thứ nhất: **Lê Thị Bé T**; Giới tính: Nữ.
Sinh ngày 01/01/1958 tại tỉnh Trà Vinh.
Nơi cư trú: ấp L, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá: Không biết chữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Lê Văn Đ (đã chết) và bà Nguyễn Thị T1 (đã chết); Chồng ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1956. Con có 02 người, lớn sinh năm 1984, nhỏ sinh năm 1995; Anh, chị em ruột: Có 04 người, lớn sinh năm 1954, nhỏ sinh năm 1966; Tiền án: không; Tiền sự: có 01 vào ngày 03/10/2022 bị Công an xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc, phạt tiền 1.500.000 đồng (đã chấp hành đóng phạt xong). Bị áp dụng biện pháp bắt tạm giam từ ngày 09/02/2023 đến ngày 23/3/2023, áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại ấp L, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh đến nay. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Bị cáo thứ hai: **Phan Thị Ngọc N1**; Giới tính: Nữ.
Sinh ngày 01/01/1973 tại tỉnh Trà Vinh.
Nơi cư trú: ấp S, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: 5/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Con ông Phan Văn C, sinh năm 1955 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1957; Chồng ông Võ Văn P, sinh năm 1974; Con có 02 người, lớn sinh năm 1994, nhỏ sinh năm 2008; Tiền án: không; Tiền sự: có 01 vào ngày 03/10/2022 bị Công an xã A, huyện C, tỉnh

Trà Vinh ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc, phạt tiền 1.500.000 đồng (đã chấp hành đóng phạt xong). Bị áp dụng biện pháp bắt tạm giam từ ngày 09/02/2023 đến ngày 23/3/2023 áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại ấp S, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh đến nay. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Bị cáo thứ ba: **Ngô Thị N2**; Giới tính: Nữ.

Sinh ngày 01/01/1980 tại tỉnh Trà Vinh.

Nơi cư trú: ấp L, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: Chăn nuôi; Trình độ văn hoá: 5/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Ngô Văn B, sinh năm 1950 và bà Hồ Thị R, sinh năm 1951; Chồng ông Trần Đăng K, sinh năm 1981; Con có 02 người, lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2005; Tiền án: Không; Tiền sự: có 01 vào ngày 03/10/2022 bị Công an xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc, phạt tiền 1.500.000 đồng (đã chấp hành đóng phạt xong). Bị áp dụng biện pháp bắt tạm giam từ ngày 09/02/2023 đến ngày 23/3/2023 áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại ấp L, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh đến nay. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Bị cáo thứ tư: **Phạm Thị T2**; Giới tính: Nữ.

Sinh ngày 02/5/1982 tại tỉnh Trà Vinh.

Nơi cư trú: ấp S, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: 8/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Phạm Văn N3, sinh năm 1948 và bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1949; Chồng ông Phạm Minh Đ1, sinh năm 1982; Con có 02 người, lớn sinh năm 2002, nhỏ sinh năm 2009; Anh, chị em ruột: có 03 người, lớn nhất sinh năm 1973, nhỏ nhất sinh năm 1978; Tiền án: Không; Tiền sự: có 01 vào ngày 03/10/2022 bị Công an xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc, phạt tiền 1.500.000 đồng (đã chấp hành đóng phạt xong). Bị áp dụng biện pháp bắt tạm giam từ ngày 09/02/2023 đến ngày 23/3/2023 áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại ấp S, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh đến nay. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Phan Thị N4, sinh năm 1972.(xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp S, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. Bà Lê Thị Kim N5, sinh năm 1982. (xin xét xử vắng mặt)
3. Bà Nguyễn Thị Đ2, sinh năm 1953. (Vắng mặt)
4. Bà Phạm Thị T3, sinh năm 1976 (xin xét xử vắng mặt)

Cùng nơi cư trú: ấp L, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 06/01/2023, các bị cáo Lê Thị Bé T, Ngô Thị N2, Phan Thị Ngọc N1 và bị cáo Phạm Thị T2, cùng với Phan Thị N4; Lê Thị Kim N5 và Nguyễn Thị

Đ2, đến nhà của Phạm Thị T3, để chơi đánh bài được thua bằng tiền. Tại đây, bị cáo Bé T 1 tụ, bị cáo N1 1 tụ, bị caó N2 và bị cáo T2 1 tụ, N4 1 tụ, N5 và Đầm 1 tụ. Hình thức thắng thua là bộ bài tây loại 52 lá, chia cho mỗi tụ 06 lá bài và tính nút để phân thắng thua, mỗi tụ sẽ làm cái 03 ván xoay vòng, các tụ còn lại sẽ ăn thua trực tiếp với tụ cái, mức đặt cược một ván thấp nhất là 10.000 đồng và cao nhất là 20.000 đồng. Sau khi tham gia nhiều ván bài, bị cáo N2 đi về nhà, còn bị cáo Bé T, bị cáo N1, bị cáo T2 và N5, N4, Đ2 tiếp tục chơi. Đến 13 giờ 30 phút cùng ngày thì lực lượng Công an đến kiểm tra, phát hiện lập biên bản làm việc. Tang vật thu giữ tại chiếu bạc gồm: 01 bộ bài tây loại 52 lá (số lượng 51 lá), tiền Việt Nam 620.000 đồng.

Kiểm tra trên người các đối tượng quản lý số tài sản gồm 1.640.000 đồng và 05 điện thoại di động, trong đó: bị cáo Bé T 160.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu FORME, loại bàn phím, màu đỏ; bị cáo N1 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA loại bàn phím; bị cáo T2 300.000 đồng; Lê Thị Kim N5 20.000 đồng; Nguyễn Thị Đ2 30.000 đồng; Phan Thị N4 350.000đồng; Phạm Thị T3 780.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màn hình cảm ứng, màu xanh. Trong quá trình điều tra bị cáo N2 tự nguyện giao nộp 100.000 đồng tiền tham gia đánh bạc. Trong quá trình điều tra, Phan Thị N4, Lê Thị Kim N5 và Nguyễn Thị Đ2 đều thừa nhận hành vi đánh bạc với các bị cáo Bé T, Ngọc N1, N2 và bị cáo T2 vào ngày 06/01/2023 với tổng số tiền dùng để đánh bạc là 1.360.000 đồng. Qua xác minh đối với Phan Thị N4, Lê Thị Kim N5 và Nguyễn Thị Đ2 không có tiền án, tiền sự. Riêng đối với bị cáo Lê Thị Bé T, bị cáo Phan Thị Ngọc N1, bị cáo Ngô Thị N2 và bị cáo Phạm Thị T2 đều có 01 tiền sự về hành vi đánh bạc trái phép. Cụ thể ngày 23/8/2022, đánh bạc trái phép tại ấp L, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh, ngày 03/10/2022 bị Công an xã A, huyện C ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính mỗi người số tiền 1.500.000 đồng (đã chấp hành đóng phạt).

Tại Cáo trạng số: 17/CT-VKS-HS, ngày 15/4/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long truy tố các bị cáo Lê Thị Bé T, Phan Thị Ngọc N1, Ngô Thị N2 và bị cáo Phạm Thị T2 tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa các bị cáo Lê Thị Bé T, Phan Thị Ngọc N1, Ngô Thị N2 và bị cáo Phạm Thị T2 thống nhất với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của các bị cáo như sau: Vào khoảng 13 giờ 30 phút, ngày 06/01/2023, tại ấp L, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh, Công an huyện C phát hiện các bị cáo Lê Thị Bé T, Phan Thị Ngọc N1, Ngô Thị N2 và bị cáo Phạm Thị T2 có hành vi đánh bạc trái phép thắng thua bằng tiền với Phan Thị N4, Lê Thị Kim N5 và Nguyễn Thị Đ2. Tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc là 1.360.000 đồng, không đủ định lượng cấu thành tội phạm nhưng trước đó, vào ngày 03/10/2022 bị cáo Lê Thị Bé T, bị cáo Phan Thị Ngọc N1, bị cáo Ngô Thị N2 và bị cáo Phạm Thị T2 đã bị Công an xã A, huyện C xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc trái phép, chưa hết thời hạn để được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính mà còn vi phạm, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình chính trị, trật tự trị an tại địa phương.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long: Sau khi phân tích các chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

** Đối với bị cáo Lê Thị Bé T:*

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Lê Thị Bé T từ 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) đến 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) nộp vào Ngân sách Nhà nước.

** Đối với bị cáo Phan Thị Ngọc N1:*

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 35 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phan Thị Ngọc N1 từ 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) đến 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) nộp vào Ngân sách Nhà nước.

** Đối với bị cáo Ngô Thị N2:*

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Ngô Thị N2 từ 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) đến 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) nộp vào Ngân sách Nhà nước.

** Đối với bị cáo Phạm Thị T2:*

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Phạm Thị T2 từ 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) đến 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) nộp vào Ngân sách Nhà nước.

Về vật chứng: Xét thấy 01 bộ bài tây loại 52 lá và 01 cái mền là vật chứng vụ án không còn giá trị sử dụng, đề nghị tịch thu tiêu hủy.

- Đối với số tiền dùng để đánh bạc 400.000 đồng, gồm Phan Thị N4 350.000 đồng; Lê Thị Kim N5 20.000 đồng và Nguyễn Thị Đ2 30.000 đồng, Công an huyện C đã tịch thu trong Quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

- Tiền Việt Nam: 960.000 đồng là tiền tang thu tại chiếu bạc và tiền thu giữ trên người của các bị cáo liên quan đến hành vi phạm tội, đề nghị tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu FORME, loại bàn phím, màu đỏ, số IMEI 1: 35423310043326; IMEI2: 354233100413334 của bị cáo Lê Thị Bé T không liên quan đến hành vi phạm tội, đề nghị trả lại cho bị cáo Bé T.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA loại bàn phím, số IMEI 1: 352415908838091; IMEI2: 352415903838090 của bị cáo Phan Thị Ngọc N1 không liên quan đến hành vi phạm tội, đề nghị trả lại cho bị cáo N1.

- Tiền Việt Nam 220.000đồng (hai trăm hai mươi nghìn đồng) của bị cáo Phạm Thị T2 không liên quan đến hành vị phạm tội, đề nghị trả lại cho bị cáo T2.

Đối với các tài sản tuyên trả cho các bị cáo nêu trên tiếp tục giao cho Cơ quan Thi hành án quản lý để đảm bảo thi hành án cho các bị cáo khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màn hình cảm ứng, màu xanh, số IMEI 1: 861438050601574; IMEI2: 3861438050601566 và Tiền Việt Nam

780.000đồng của bà Phạm Thị T3 không liên quan đến hành vi phạm tội, đề nghị trả lại cho bà T3.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu trắng, màn hình cảm ứng, , số sêri 1: 865251038941335; sêri 2: 865251038941327 của bà Phan Thị N4 không liên quan đến hành vi phạm tội, đề nghị trả lại cho bà N4.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, loại bàn phím, màu đen, số sêri 1: 8351186125610156; sêri 2: 351186125610164 của bà Nguyễn Thị Đ2 không liên quan đến hành vi phạm tội, đề nghị trả lại cho bà Đ2.

Ngoài ra, vị còn đề nghị buộc các bị cáo Phan Thị Ngọc N1, Ngô Thị N2 và bị cáo Phạm Thị T2 mỗi bị cáo có nghĩa vụ nộp theo quy định pháp luật. Đối với bị cáo Lê Thị Bé T là người cao tuổi theo quy định pháp luật được miễn án phí nên không phải nộp.

Qua quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát, các bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng không bổ sung tài liệu, đồ vật và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng. Xác định tư cách người tham gia tố tụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của luật Tố tụng hình sự và giới hạn xét xử của Tòa án theo Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự. Đồng thời vị đại diện Viện kiểm sát, các bị cáo yêu cầu tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án theo Điều 292 và 293 của Bộ luật tố tụng hình sự, vì không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bởi vì, việc chơi bài binh Ấn Độ được thua bằng tiền là một hình thức đánh bạc trái với quy định của pháp luật, bị pháp luật nghiêm cấm. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến hoạt động quản lý của Nhà nước và trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an địa phương. Pháp luật nhà nước ta nghiêm cấm đánh bạc trái phép, ăn thua bằng tiền dưới bất kỳ hình thức nào nhằm thu lợi bất chính. Việc chơi bài binh Ấn Độ được thua bằng tiền không cần phải tốn nhiều công sức nhưng vẫn thu lợi nhuận nên các bị cáo bất chấp pháp luật dùng mọi thủ đoạn nhằm qua mặt chính quyền địa phương và các Cơ quan bảo vệ pháp luật để thực hiện hành vi phạm tội.

[3] Tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng. Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện lỗi cố ý trực tiếp, tội phạm đã hoàn thành, hậu quả đã xảy ra. Các bị cáo nhận thức được hành vi đánh bạc ăn thua bằng tiền là vi phạm pháp luật, nhưng do bản tính xem thường pháp luật nên các bị cáo bất chấp vi phạm. Nhân thân các bị cáo Lê Thị Bé T, Phan Thị Ngọc N1, Ngô Thị N2 và Phạm Thị T2 xấu, đều có 01 tiền sự về hành vi đánh bạc trái phép. Cụ thể ngày 23/8/2022,

đánh bạc trái phép tại ấp L, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh, ngày 03/10/2022 bị Công an xã A, huyện C ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính mỗi người số tiền 1.500.000 đồng đã chấp hành đóng phạt. Đáng lẽ sau khi bị phạt các bị cáo phải biết sửa chữa lỗi lầm để trở thành một công dân tốt nhưng các bị cáo vẫn tiếp tục tham gia đánh bạc. Vì vậy, lần vi phạm này của các bị cáo đã cấu thành tộ đánh bạc được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Thực tế cho thấy, đánh bạc được thua bằng tiền là một tệ nạn xã hội là nguyên nhân phát sinh ra cảnh đói nghèo và các loại tội phạm khác gây mất ổn định về trật tự xã hội ở địa phương, tham gia đánh bạc nhiều con bạc bị lâm vào hoàn cảnh kinh tế khó khăn, phát sinh mâu thuẫn gia đình dẫn đến mất hạnh phúc và hơn thế nữa việc đánh bạc đã tạo nên gánh nặng cho xã hội.

[4] Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, có sức khỏe, lẽ ra các bị cáo phải biết chọn cho mình một nghề nghiệp chính đáng để có thu nhập nuôi sống bản thân và giúp ích cho gia đình, nhưng với bản tính đỏ, đen và hám lợi từ việc đánh bạc thu lợi nhuận cao, từ những tư tưởng và suy nghĩ đó đã dẫn các bị cáo đến con đường phạm tội.

[5] Tình hình đánh bạc và các tệ nạn xã hội thời gian gần đây trên địa bàn tỉnh Trà Vinh và huyện C xảy ra ngày càng nhiều, hành vi phạm tội hết sức làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân tạo nhiều gánh nặng cho xã hội. Nhằm để góp phần ổn định tình hình trật tự tại địa phương và đấu tranh ngăn ngừa tội phạm. Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt hình sự các bị cáo Lê Thị Bé T, Phan Thị Ngọc N1, Ngô Thị N2 và bị cáo Phạm Thị T2 là cần thiết, nhằm giáo dục các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cần xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo như sau: Sau khi phạm tội các bị cáo Lê Thị Bé T, Phan Thị Ngọc N1, Ngô Thị N2 và bị cáo Phạm Thị T2 đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; các bị cáo có người thân có công với cách mạng… Đây là tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo theo quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đối với hành vi của Phan Thị N4, Lê Thị Kim N5 và Nguyễn Thị Đ2 không cấu thành tội phạm, Công an huyện C đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc mỗi đối tượng 1.500.000 đồng.

Đối với Phạm Thị T3 không cấu thành tội phạm, Công an huyện C đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi giúp sức việc đánh bạc trái phép số tiền 3.500.000 đồng.

[6] Lời khai nhận tội của các bị cáo Lê Thị Bé T, Phan Thị Ngọc N1, Ngô Thị N2 và bị cáo Phạm Thị T2 tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng với các tài liệu, vật chứng và các chứng cứ khác do cơ quan điều tra Công an huyện C thu thập có được trong hồ sơ vụ án.

Do vậy bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long truy tố các bị cáo Lê Thị Bé T, Phan Thị Ngọc N1, Ngô Thị N2 và bị cáo Phạm Thị T2 về tội "Đánh bạc" được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng qui định pháp luật.

[7] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[8] Về vật chứng: Xét thấy 01 bộ bài tây loại 52 lá và 01 cái mền là vật chứng vụ án không còn giá trị sử dụng, tuyên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với số tiền dùng để đánh bạc 400.000 đồng, gồm Phan Thị N4 350.000 đồng; Lê Thị Kim N5 20.000 đồng và Nguyễn Thị Đ2 30.000 đồng, Công an huyện C đã tịch thu trong Quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

- Tiền Việt Nam: 960.000 đồng là tiền tang thu tại chiếu bạc và tiền thu giữ trên người của các bị cáo liên quan đến hành vi phạm tội, tuyên tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu FORME, loại bàn phím, màu đỏ, số IMEI 1: 35423310043326; IMEI2: 354233100413334 của bị cáo Lê Thị Bé T không liên quan đến hành vi phạm tội, tuyên trả lại cho bị cáo Bé T.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA loại bàn phím, số IMEI 1: 352415908838091; IMEI2: 352415903838090 của bị cáo Phan Thị Ngọc N1 không liên quan đến hành vi phạm tội, tuyên trả lại cho bị cáo N1.

- Tiền Việt Nam 220.000đồng (hai trăm hai mươi nghìn đồng) của bà Phạm Thị T2 không liên quan đến hành vị phạm tội, tuyên trả lại cho bị cáo T2.

Đối với các tài sản tuyên trả cho các bị cáo nêu trên tiếp tục giao cho Cơ quan Thi hành án quản lý để đảm bảo thi hành án cho các bị cáo khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màn hình cảm ứng, màu xanh, số IMEI 1: 861438050601574; IMEI2: 3861438050601566 và Tiền Việt Nam 780.000đồng của bà Phạm Thị T3 không liên quan đến hành vi phạm tội, tuyên trả lại cho bà T3.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu trắng, màn hình cảm ứng, , số sêri 1: 865251038941335; sêri 2: 865251038941327 của bà Phan Thị N4 không liên quan đến hành vi phạm tội, tuyên trả lại cho bà N4.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, loại bàn phím, màu đen, số sêri 1: 8351186125610156; sêri 2: 351186125610164 của bà Nguyễn Thị Đ2 không liên quan đến hành vi phạm tội, tuyên trả lại cho bà Đ2.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Phan Thị Ngọc N1, Ngô Thị N2 và bị cáo Phạm Thị T2 mỗi bị cáo có nghĩa vụ nộp theo quy định pháp luật. Đối với bị cáo Lê Thị Bé T là người cao tuổi theo quy định pháp luật được miễn án phí nên không phải nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 327, 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

[1] Tuyên bố các bị cáo Lê Thị Bé T, Phan Thị Ngọc N1, Ngô Thị N2 và bị cáo Phạm Thị T2 phạm tội "Đánh bạc".

[1.1] Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Lê Thị Bé T 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bắt bị cáo đi chấp hành án. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được trừ vào thời hạn tạm giam là 01 tháng 13 ngày, thời hạn tù còn lại bị cáo phải chấp hành tiếp.

Phạt bổ sung bị cáo Lê Thị Bé T 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) nộp vào Ngân sách Nhà nước.

[1.2] Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Phan Thị Ngọc N1 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bắt bị cáo đi chấp hành án. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được trừ vào thời hạn tạm giam là 01 tháng 13 ngày, thời hạn tù còn lại bị cáo phải chấp hành tiếp.

Phạt bổ sung bị cáo Phan Thị Ngọc N1 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) nộp vào Ngân sách Nhà nước.

[1.3] Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Ngô Thị N2 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bắt bị cáo đi chấp hành án. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được trừ vào thời hạn tạm giam là 01 tháng 13 ngày, thời hạn tù còn lại bị cáo phải chấp hành tiếp.

Phạt bổ sung bị cáo Ngô Thị N2 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) nộp vào Ngân sách Nhà nước.

[1.4] Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Phạm Thị T2 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bắt bị cáo đi chấp hành án. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được trừ vào thời hạn tạm giam là 01 tháng 13 ngày, thời hạn tù còn lại bị cáo phải chấp hành tiếp.

Phạt bổ sung bị cáo Phạm Thị T2 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) nộp vào Ngân sách Nhà nước.

[2] Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

** Tuyên tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước:* Tiền Việt Nam 960.000 đồng.

** T4 giao trả:*

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu FORME, loại bàn phím, màu đỏ, số IMEI 1: 35423310043326; IMEI2: 354233100413334 cho bị cáo Lê Thị Bé T.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA loại bàn phím, số IMEI 1: 352415908838091; IMEI2: 352415903838090 cho bị cáo Phan Thị Ngọc N1.

- Tiền Việt Nam 220.000đồng (hai trăm hai mươi nghìn đồng) cho bị cáo Phạm Thị T2.

Đối với các tài sản tuyên trả cho các bị cáo nêu trên tiếp tục giao cho Cơ quan Thi hành án quản lý để đảm bảo thi hành án cho các bị cáo khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màn hình cảm ứng, màu xanh, số IMEI 1: 861438050601574; IMEI2: 3861438050601566 và Tiền Việt Nam 780.000đồng cho bà Phạm Thị T3.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu trắng, màn hình cảm ứng, , số sêri 1: 865251038941335; sêri 2: 865251038941327 cho bà Phan Thị N4.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, loại bàn phím, màu đen, số sêri 1: 8351186125610156; sêri 2: 351186125610164 cho bà Nguyễn Thị Đ2.

[3] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Buộc các bị cáo Phan Thị Ngọc N1, Ngô Thị N2 và bị cáo Phạm Thị T2 mỗi bị cáo có nghĩa vụ nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Đối với bị cáo Lê Thị Bé T được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 06; Điều 07 và Điều 09 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- CCTHADS huyện Càng Long;
- Công an huyện Càng Long;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Văn Hoàng Vân